

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU
(Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than)

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Hệ thống hoá kiến thức đã học về *dấu chấm, chấm hỏi, chấm than*.
2. Nâng cao kĩ năng sử dụng 3 loại dấu câu trên.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bút dạ và một số tờ phiếu khổ to.
- Một tờ phô tô mẫu chuyện vui *Kỉ lục thế giới* (đánh số thứ tự các câu văn).
- Hai, ba tờ phô tô bài *Thiên đường của phụ nữ*.
- Ba tờ phô tô mẫu chuyện vui *Tỉ số chưa được mở* (đánh số thứ tự các câu văn).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV nhận xét về kết quả bài kiểm tra định kì giữa học kì II (phần LTVC).

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– Một HS đọc yêu cầu của bài (hiểu là đọc cả mẩu chuyện vui *Kỉ lục thế giới*).

– Cả lớp đọc lại mẩu chuyện vui.

– GV gợi ý : BT1 nêu 2 yêu cầu :

+ Tìm 3 loại dấu câu (chấm, chấm hỏi, chấm than) có trong mẩu chuyện. Muốn tìm 3 loại dấu câu này, các em cần nhớ các loại dấu này đều được đặt ở cuối câu. Quan sát dấu hiệu hình thức, các em sẽ nhận ra đó là dấu gì.

+ Nêu công dụng của từng loại dấu câu, mỗi dấu câu ấy được dùng làm gì ? Để dễ trình bày, các em nên đánh số thứ tự cho từng câu văn.

– HS làm việc cá nhân – khoanh tròn các dấu chấm, chấm hỏi, chấm than trong mẩu chuyện vui ; suy nghĩ về tác dụng của từng dấu câu.

– GV dán lên bảng tờ giấy phôi tô nội dung truyện *Kỉ lục thế giới*, mời 1 HS lên bảng làm bài – khoanh tròn 3 loại dấu câu cần tìm, nêu công dụng của từng dấu. Cả lớp và GV nhận xét, kết luận :

1) Một vận động viên đang tích cực luyện tập để tham gia thế vận hội. 2) Không may, anh bị cảm nặng.

3) Bác sĩ bảo :

4) – Anh sốt cao lắm ! 5) Hãy nghỉ ngơi ít ngày đã !

6) Người bệnh hỏi :

7) – Thưa bác sĩ, tôi sốt bao nhiêu độ ?

8) Bác sĩ đáp :

9) – Bốn mươi mốt độ.

10) Nghe thấy thế, anh chàng ngồi phất dậy :

11) – Thế kỉ lục thế giới là bao nhiêu ?

– **Dấu chấm** đặt cuối các câu 1, 2, 9 ; dùng để kết thúc các câu kể. (*Câu 3, 6, 8, 10 cũng là câu kể, nhưng cuối câu đặt dấu hai chấm để dẫn lời nhân vật.)

– **Dấu chấm hỏi** đặt ở cuối câu 7, 11 ; dùng để kết thúc các câu hỏi.

– **Dấu chấm than** đặt cuối câu 4, 5 ; dùng để kết thúc câu cảm (câu 4), câu khiến (câu 5).

– GV hỏi HS về tính khôi hài của mẩu chuyện vui *Kỉ lục thế giới*. (Vận động viên lúc nào cũng chỉ nghĩ đến kỉ lục nên khi bác sĩ nói anh sốt 41 độ, anh hỏi ngay : *kỉ lục thế giới (về sốt cao) là bao nhiêu*. Trong thực tế không có kỉ lục thế giới về sốt.)

Bài tập 2

– Một HS đọc nội dung BT2 (đọc cả bài *Thiên đường của phụ nữ*).

– Cả lớp đọc thầm lại bài *Thiên đường của phụ nữ*, trả lời câu hỏi : *Bài văn nói điều gì ?* (Kể chuyện thành phố Giu-chi-tan ở Mê-hi-cô là nơi phụ nữ được đề cao, được hưởng những đặc quyền, đặc lợi.)

– GV gợi ý : Các em cần đọc bài văn một cách chậm rãi, phát hiện tập hợp từ nào diễn đạt một ý trọn vẹn, hoàn chỉnh thì đó là câu ; điền dấu chấm vào cuối tập hợp từ ấy. Lần lượt làm như thế đến hết bài.

– Cả lớp đọc thầm lại bài *Thiên đường của phụ nữ*, điền dấu chấm vào những chỗ thích hợp, sau đó viết hoa các chữ đầu câu. GV phát phiếu cho 2 – 3 HS.

– Những HS làm bài trên phiếu dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

Đoạn văn có 8 câu như sau :

1) Thành phố Giu-chi-tan nằm ở phía nam Mê-hi-cô là thiên đường của phụ nữ. / 2) Ở đây, đàn ông có vẻ mảnh mai, còn đàn bà lại đầy đà, mạnh mẽ. / 3) Trong mỗi gia đình, khi một đứa bé sinh ra là phái đẹp thì cả nhà nhảy cẫng lên vì vui sướng, hết lời tạ ơn đáng tối cao.

4) Nhưng điều đáng nói là những đặc quyền đặc lợi của phụ nữ. 5) Trong bậc thang xã hội ở Giu-chi-tan, đứng trên hết là phụ nữ, kế đó là những người già trang phụ nữ, còn ở nấc cuối cùng là... đàn ông. / 6) Điều này thể hiện trong nhiều tập quán của xã hội. / 7) Chẳng hạn, muốn tham gia một lễ hội, đàn ông phải được một phụ nữ mời và giá vé vào cửa là 20 pê-xô dành cho phụ nữ chính cống hoặc những chàng trai già gái, còn đàn ông : 70 pê-xô. / 8) Nhiều chàng trai mới lớn thèm thuồng những đặc quyền đặc lợi của phụ nữ đến nỗi có lắm anh tìm cách trở thành... con gái.

Bài tập 3

– HS đọc nội dung bài tập. GV gợi ý : Các em đọc chậm rãi từng câu văn xem đó là câu kể, câu hỏi, câu khiến hay câu cảm. Mỗi kiểu câu sử dụng một loại dấu tương ứng. Từ đó, sửa lại những chỗ dùng sai dấu câu.

– Cả lớp đọc thầm lại mẩu chuyện vui *Tỉ số chưa được mở* ; làm bài.

– Cách tổ chức thực hiện tiếp theo tương tự BT1, 2 – GV dán lên bảng 3 tờ phiếu cho 3 HS thi làm bài – sửa lại các dấu câu, trả lời (miệng) về công dụng của các dấu câu. GV kết luận lời giải :

NAM : 1) – Hùng này, hai bài kiểm tra Tiếng Việt và Toán hôm qua, cậu được mấy điểm.

HÙNG : 2) – Vẫn chưa mở được tỉ số.

NAM : 3) – Nghĩa là sao !

HÙNG : 4) – Vẫn đang hoà không – không ?

NAM : ? !

Câu 1 là câu hỏi → phải sửa dấu chấm thành dấu chấm hỏi (*Hùng này, hai bài... được mấy điểm ?*)

Câu 2 là câu kể → dấu chấm dùng đúng.

Câu 3 là câu hỏi → phải sửa dấu chấm than thành dấu chấm hỏi (*Nghĩa là sao ?*)

Câu 4 là câu kể → phải sửa dấu chấm hỏi thành dấu chấm (*Vẫn đang hoà không – không.*)

Hai dấu ? ! dùng đúng. Dấu ? diễn tả thắc mắc của Nam, dấu ! – cảm xúc của Nam.

– GV hỏi HS hiểu câu trả lời của Hùng trong mẩu chuyện vui *Tỉ số chưa được mở* như thế nào ? (Câu trả lời của Hùng cho biết : Hùng được 0 điểm cả hai bài kiểm tra Tiếng Việt và Toán.)

3. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà kể mẩu chuyện vui cho người thân.